

**Công Ty Cổ Phần Công
Nghiep Tung Kuang**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(Quý III/ năm 2009)

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	163.929.992.005	219.426.508.174
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	58.918.023.397	49.644.593.907
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	60.152.556.427	52.494.298.826
4	Hàng tồn kho	41.682.602.076	114.352.911.469
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.176.810.105	2.934.703.972
II	Tài sản dài hạn	269.841.672.860	274.007.445.595
1	Các khoản phải thu dài hạn	247.889.077.297	249.136.836.753
2	Tài sản cố định	21.250.862.592	24.870.608.842
	- Tài sản cố định hữu hình	21.169.245.515	24.797.434.911
	- Tài sản cố định vô hình	81.617.077	73.173.931
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	701.732.971	-
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	433.771.664.865	493.433.953.769
IV	Nợ phải trả	167.425.201.025	205.407.330.221
1	Nợ ngắn hạn	167.418.468.785	205.399.016.981
2	Nợ dài hạn	6.732.240	8.313.240
V	Vốn chủ sở hữu	266.346.463.840	288.026.623.548
1	Vốn chủ sở hữu	264.026.211.446	285.732.337.154
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	212.000.000.000	212.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	12.819.369.704	12.819.369.704
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	39.206.841.742	60.912.967.450
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2.320.252.394	2.294.286.394
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.320.252.394	2.294.286.394
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	433.771.664.865	493.433.953.769

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	110.450.602.630	287.272.575.818
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung	110.450.602.630	287.272.575.818
4	Giá vốn hàng bán	77.481.558.600	213.733.534.569
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch	32.969.044.030	73.539.041.249
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.176.586.956	1.395.498.450
7	Chi phí tài chính	4.966.145.328	11.580.470.279
8	Chi phí bán hàng	1.585.847.687	3.497.101.501
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.061.027.862	11.234.107.144
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	23.532.610.109	48.622.860.775
11	Thu nhập khác	804.479.898	1.477.923.538
12	Chi phí khác	84.435.585	132.048.484
13	Lợi nhuận khác	720.044.313	1.345.875.054
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.252.654.422	50.225.590.325
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.546.528.714	5.273.686.983
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	21.706.125.708	44.701.048.845
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.024	2.109
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Báo cáo này chưa bao gồm các chi nhánh
và công ty con

Ngày 23 tháng 10 năm 2009

Phó Tổng Giám Đốc

LIU CHIEN HUNG